TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/2019/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN Đ

Căn cứ điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, 81, 82, 83, 84 và điều 84 Luật Hôn N và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Anh Tống Thành N, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 207, khu 5, ấp 2, xã PT, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Chị Hồ Thị M, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số 207, khu 5, ấp 2, xã PT, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn N: Anh Tống Thành N và chị Hồ Thị M có kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 23/6/2010 nên quan hệ hôn N là hợp pháp. Anh Tống Thành N và chị Hồ Thị M thuận tình ly hôn nên Tòa án ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh N, chị M khai không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Anh N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn N: Anh Tống Thành N và chị Hồ Thị M cùng đồng ý thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về Lệ phí: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đ. Anh N, chị M mỗi người phải chịu là 150.000đ. Anh N tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đ. Số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh N đã nộp theo biên lai số 0002327 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được trừ vào số tiền lệ phí anh N phải nộp. Anh N đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã Phú Lâm, huyện Tân Phú;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thanh Hà